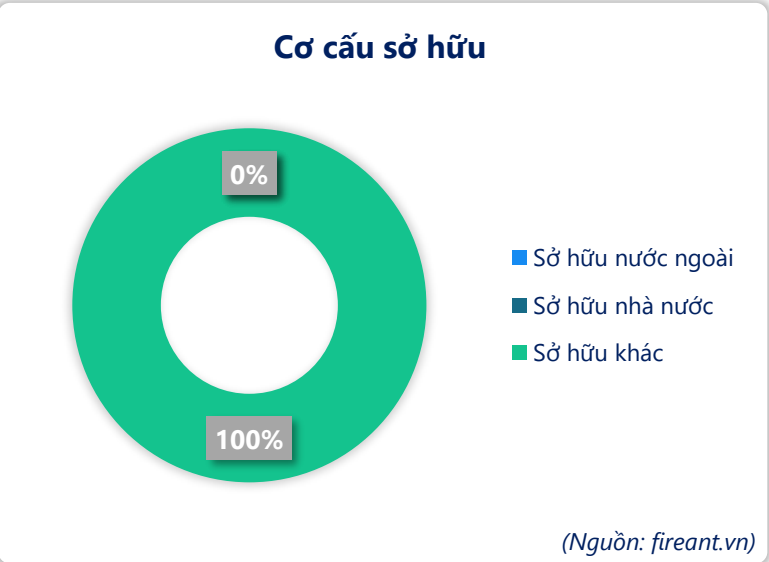
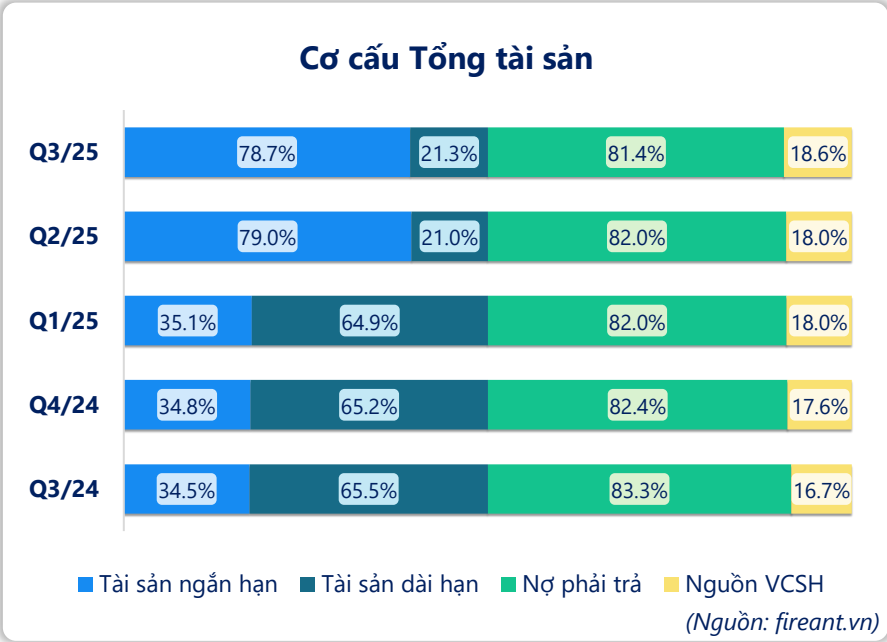
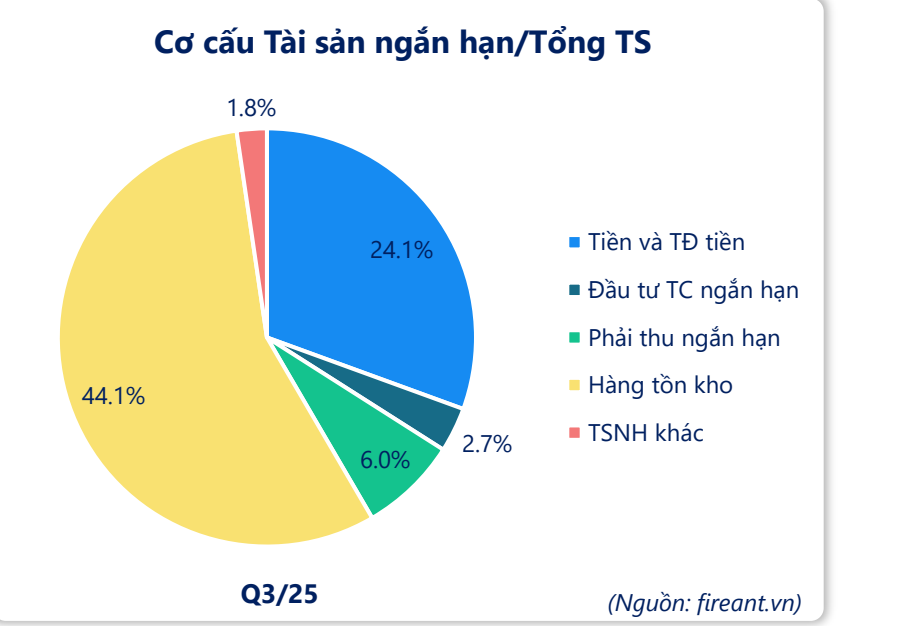
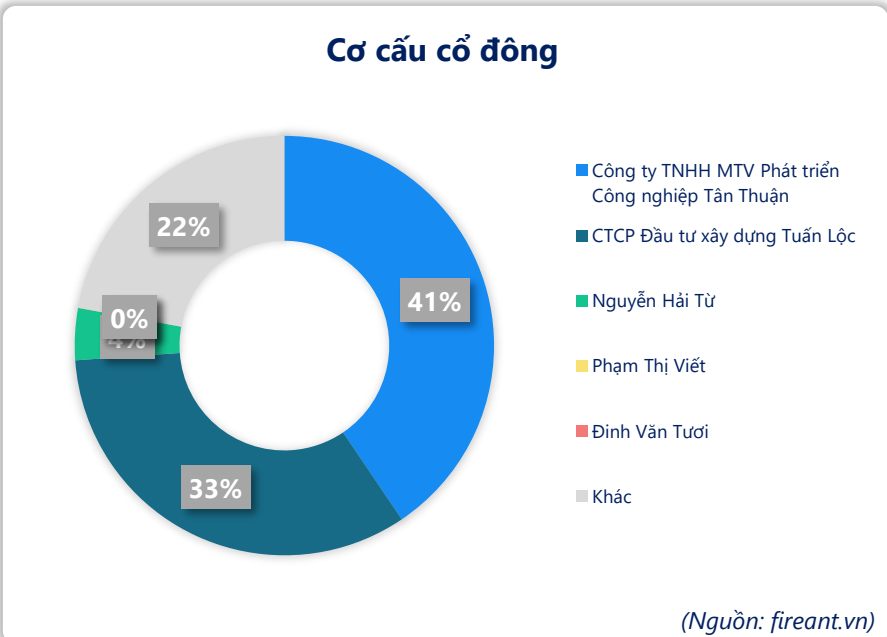
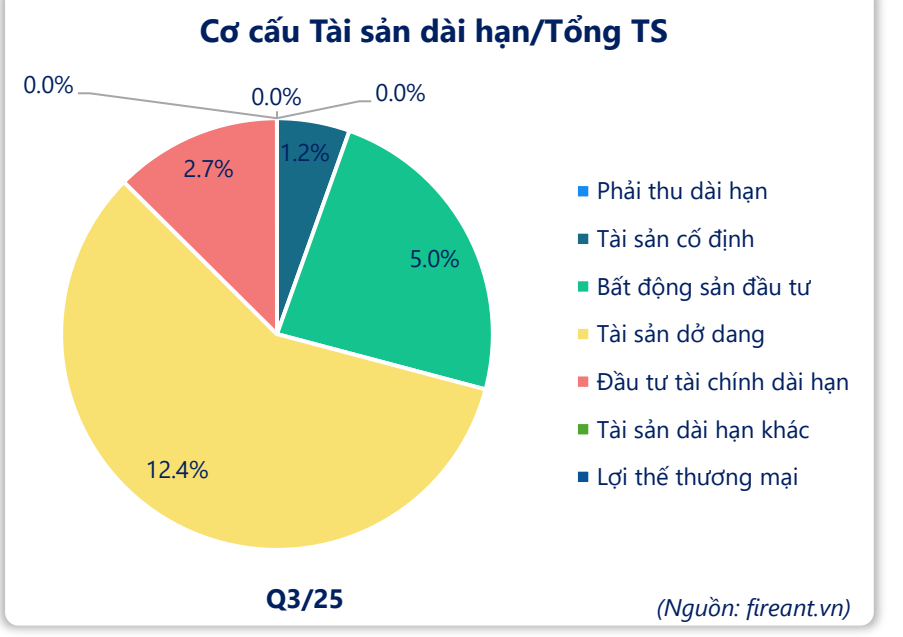
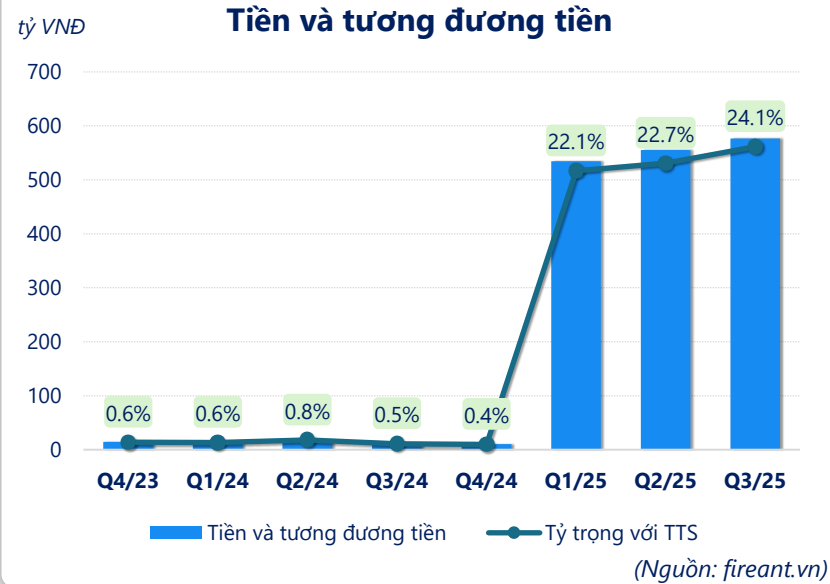
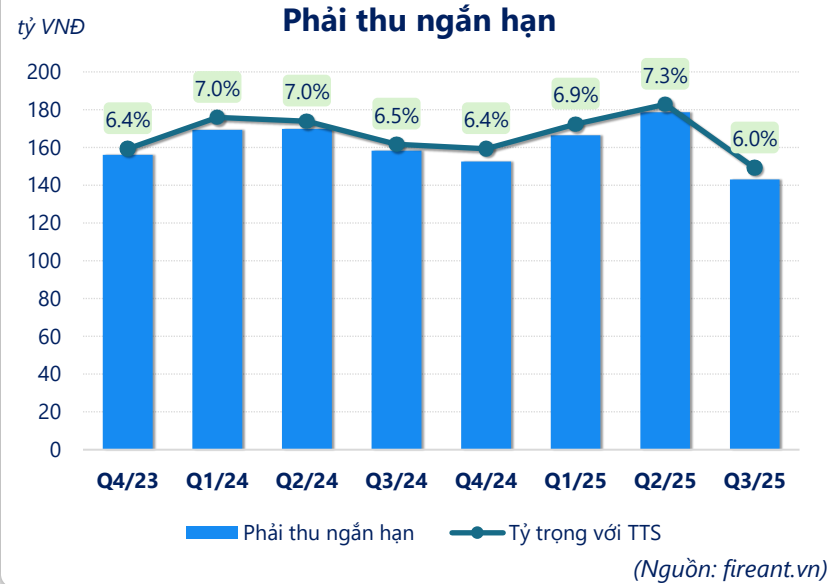
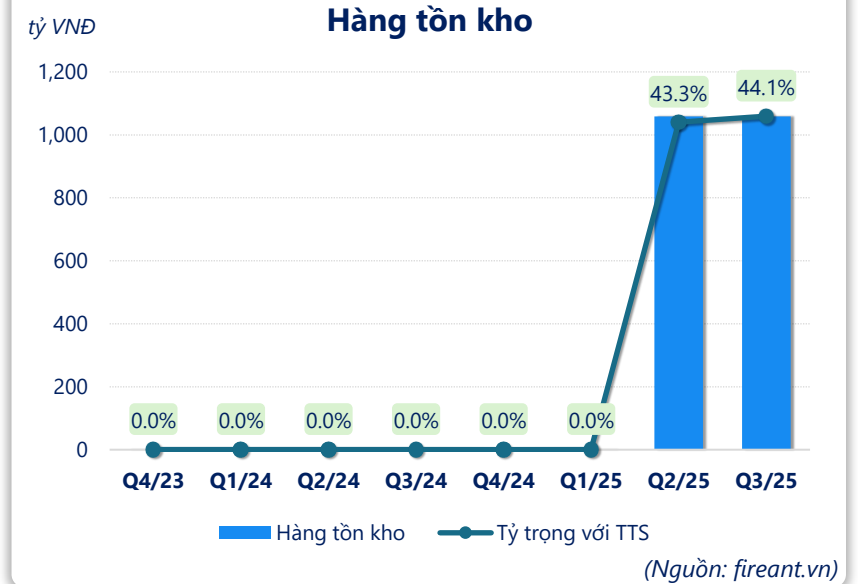
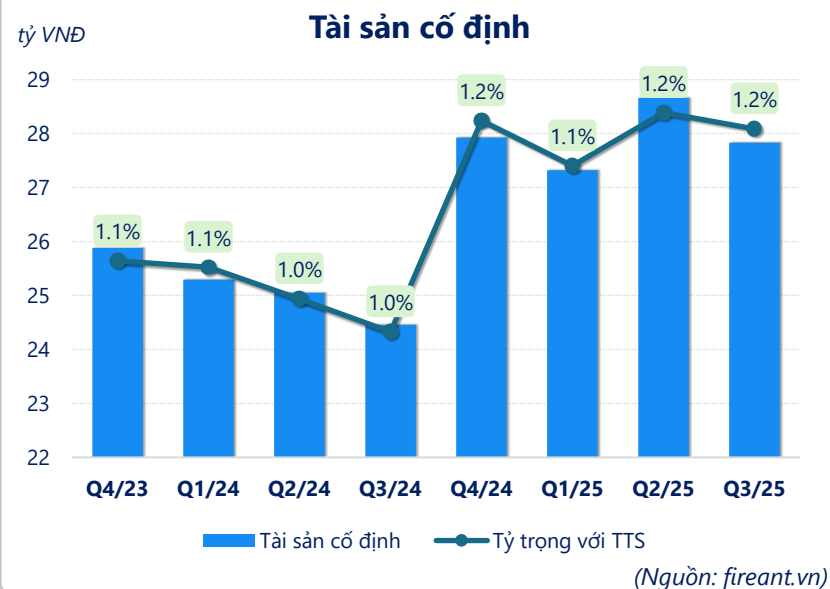
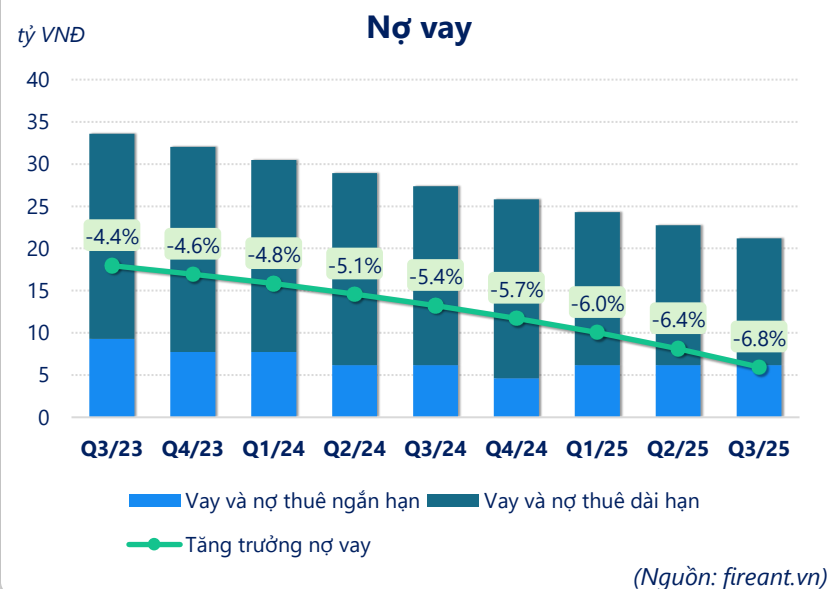
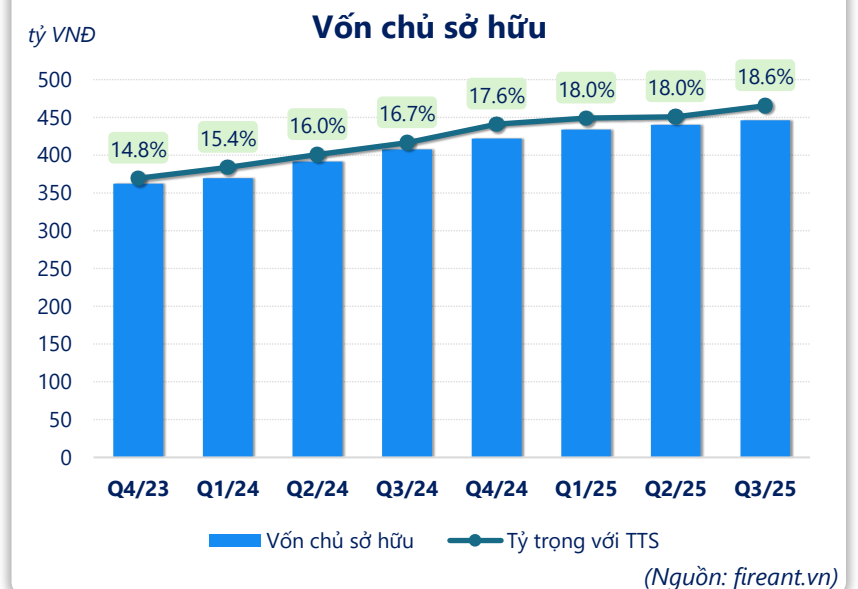
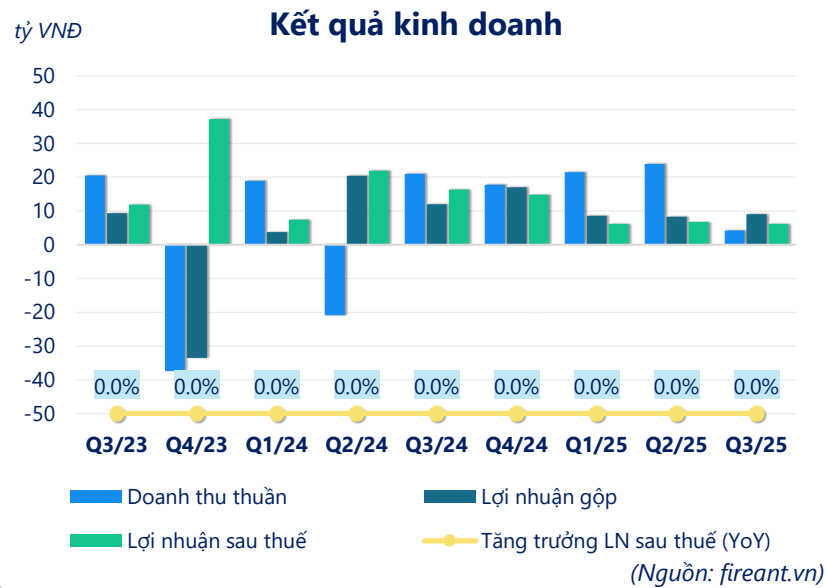
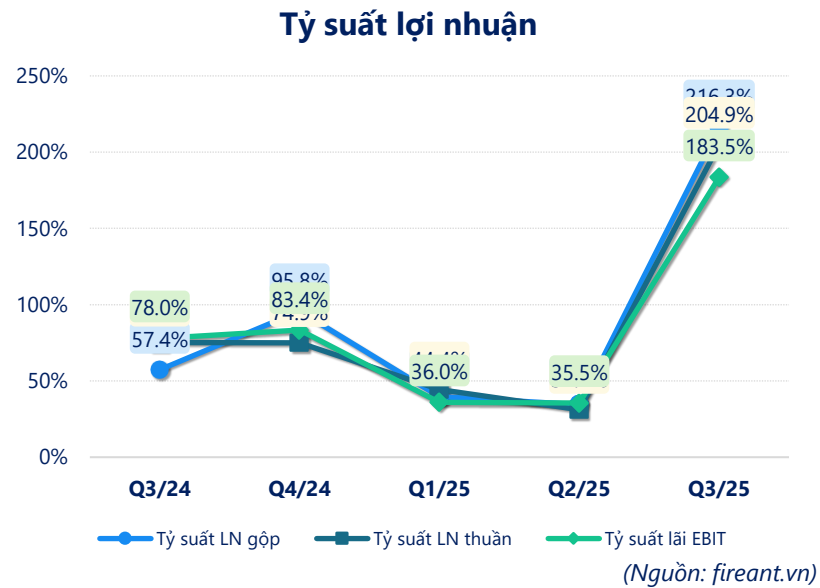
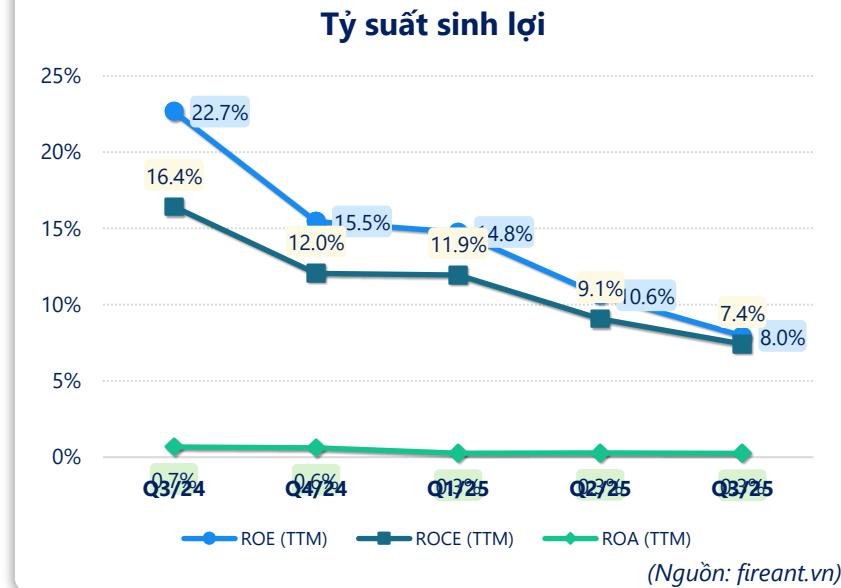
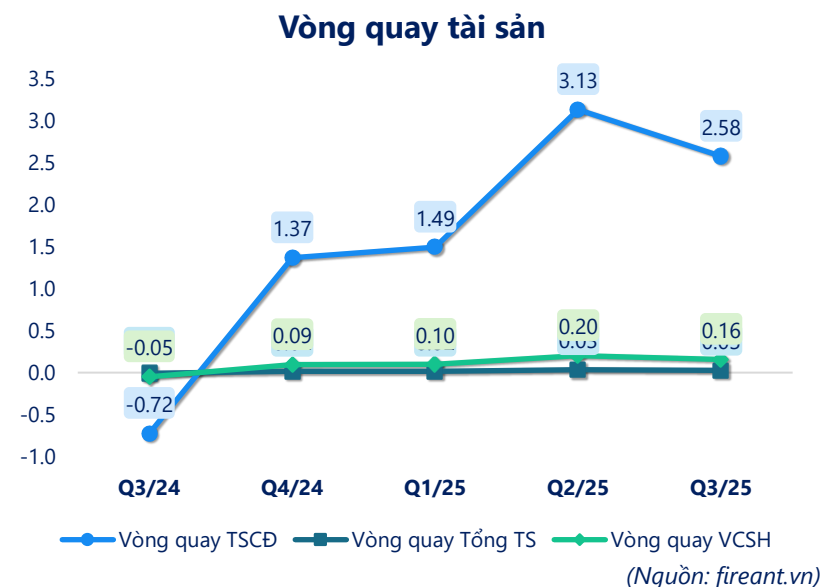
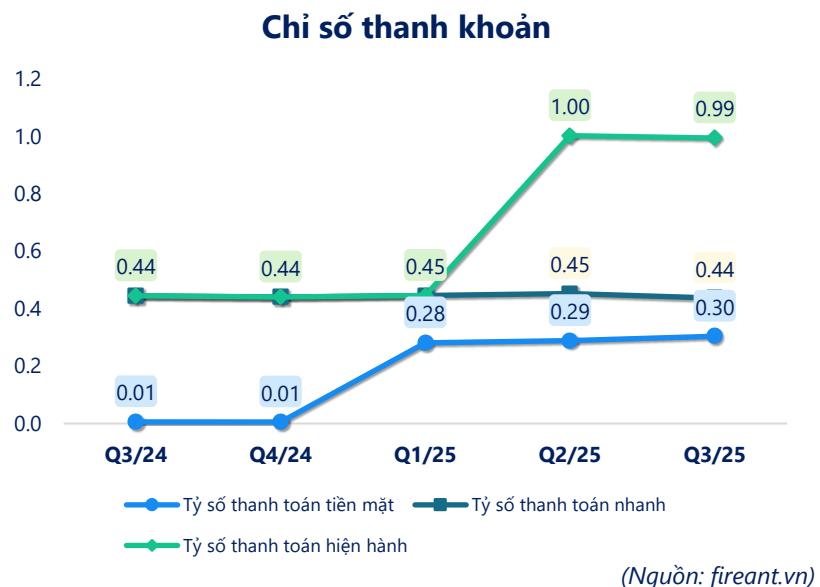
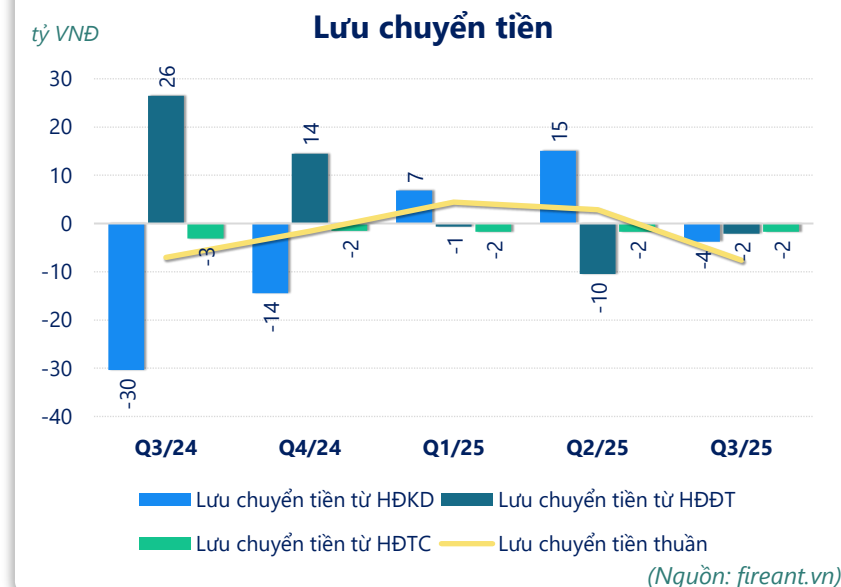


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		33,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,000
SL cổ phiếu LH		60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		525
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,752
P/E		51.6
EPS		566

	YTD	1T	3T	6T
HPI	60.4%	2.1%	32.7%	24.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,397	2,398	0.0%
Tài sản ngắn hạn	1,887	829	127%
Tiền và tương đương tiền	577	530	8.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.3	100	-34.9%
Phải thu ngắn hạn	143	150	-4.7%
Hàng tồn kho	1,058	0.23	469451%
Tài sản ngắn hạn khác	43.9	49.3	-11.0%
Tài sản dài hạn	510	1,569	-67.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.8	27.9	-0.3%
Bất động sản đầu tư	121	125	-3.5%
Tài sản dở dang	298	1,351	-78.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	64.0	64.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.31	-94.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,951	1,970	-1.0%
Nợ ngắn hạn	1,898	1,891	0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.19	6.19	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.01	4.33	-30.5%
Nợ dài hạn	52.7	79.7	-33.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.0	19.6	-23.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	446	428	4.3%
Vốn chủ sở hữu	446	428	4.3%
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	21.0	17.8	21.4	23.9	4.19
Giá vốn hàng bán	8.94	0.75	12.9	15.7	-4.87
Lợi nhuận gộp	12.0	17.0	8.54	8.26	9.07
Doanh thu HĐTC	10.1	4.93	6.50	6.08	5.23
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.86	0.80	1.03	1.05	2.20
Chi phí QLDN	5.46	7.84	4.49	5.83	3.50
LN thuần từ HĐKD	15.8	13.3	9.53	7.45	8.59
Lợi nhuận khác	0.58	1.51	-1.82	1.06	-0.90
LN trước thuế	16.3	14.8	7.71	8.50	7.69
Lợi nhuận sau thuế	16.3	14.8	6.17	6.80	6.16
LNST của CĐ cty mẹ	16.3	14.8	6.17	6.80	6.16

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.4	-14.5	6.85	15.0	-3.80
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	26.4	14.4	-0.69	-10.5	-2.09
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.10	-1.55	-1.73	-1.73	-1.73
Tiền đầu kỳ	18.6	11.6	10.1	14.5	17.3
Lưu chuyển tiền thuần	-7.00	-1.57	4.43	2.84	-7.62
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.6	10.1	14.5	17.3	9.70

(Nguồn: fireant.vn)